TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04-3-2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát
2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/4/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2025/QĐXXST–HNGĐ ngày 17/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1655/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986 (vắng mặt).
Địa chỉ: A Đường số D, Cư xá Đ, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Hải N, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Quốc tịch: Canada.
Địa chỉ: A C, N, O, Canada (P1C 1G5).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 27/02/2024 và bản tự khai, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Hải N kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/6/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông N sang Canada định cư, ông N không chăm lo, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng cũng ly thân không liên lạc với nhau từ thời điểm đó. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

Về việc nuôi con: Bà và ông N có 01 con chung tên Lê Nguyễn Bảo M, sinh ngày 25/02/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Nguyễn Bảo M và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Lê Hải N* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời ông N cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

* Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

* Ông Lê Hải N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Lê Hải N vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Hải N.

+ Về việc nuôi con: Giao trẻ Lê Nguyễn Bảo M, sinh ngày 25/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí 300.000 đồng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Ngày 27/02/2024, bà Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hải N. Ông Lê Hải N hiện đang cư trú tại Canada, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Lê Hải N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Lê Hải N kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 03/6/2011, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T cho rằng do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do ông N đi định cư Canada không chăm lo, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng không còn liên lạc với nhau và sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Về phía ông N, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng thủ tục luật định nhưng ông N cũng không có văn bản trả lời về yêu cầu xin ly hôn của bà T. Do đó, có cơ sở xác định bà T và ông N đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông N.

- Về việc nuôi con: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 161/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/4/2012 thì trẻ Lê Nguyễn Bảo M, sinh ngày 25/02/2012 là con của ông N và bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, ông N không có văn bản trả lời đối với yêu cầu của bà T. Xét, trẻ Lê Nguyễn Bảo M đang sống ổn định cùng bà T và có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, đảm bảo sự ổn định phát triển, tránh xáo trộn môi trường sống của trẻ, nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao trẻ Lê Nguyễn Bảo M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim T trình bày giữa bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung. Ông Lê Hải N không có văn bản trả lời. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Lê Hải N.

- Về việc nuôi con: Giao trẻ Lê Nguyễn Bảo M, sinh ngày 25/02/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện không yêu cầu ông Lê Hải N cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hải N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0032880 ngày 19/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

3. Bà Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày; ông Lê Hải N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình